

Bản án: 221/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2017

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 822/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Dương Văn Rạt, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã O, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2017 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Diễm H trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Dương Văn R cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đức Hòa. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông R ăn chơi, không quan tâm vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông R vẫn không thay đổi tính tình. Bà và ông đã ly thân với nhau từ tháng 2/2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà xin ly hôn với ông Dương Văn R.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cả hai có 01 con chung tên Dương Tiểu M, sinh ngày 25/9/2013. Khi ly hôn, bà xin được quyền nuôi con, không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Dương Văn R được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông R không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông R cũng không đến tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn bà H có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đơn sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Dương Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông R cưới nhau vào năm 2012, sau đó cả hai bên đồng ý thuận tình ly hôn được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa công nhận thuận tình ly hôn, cho đến năm 2014 bà H và ông R tiếp tục sống chung và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2014 (số 55/HT/2014, quyển số 01/2014) nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông R được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông R ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con nên mới xin ly hôn. Ông R được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà H yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông R không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông R và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu của bà H đối với ông Dương Văn R.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung là Dương Tiểu M, sinh ngày 29/9/2013, và không yêu cầu ông R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu M hiện nay do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc vẫn phát triển ổn định, bình thường nên căn cứ vào quy định khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định bà và ông R không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông R không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà H và ông R.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Diễm H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm H đối với ông Dương Văn R.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Diễm H được ly hôn với ông Dương Văn R.

Về quyền nuôi con chung: Bà Lê Thị Diễm H được quyền tiếp tục nuôi con tên Dương Tiểu M, sinh ngày 25/9/2013, ông R không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà H không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001190 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Y
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài